

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ I  
MÔN HÓA HỌC, KHỐI 11

Phòng số:34

Tại phòng:214

| STT | SBD     | Lớp  | Họ và tên HS         | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|---------|------|----------------------|------------|---------|
| 1   | 1100001 | 11A3 | Cao Thiên An         | 09/10/2010 |         |
| 2   | 1100002 | 11A3 | Chu Hoàng Minh An    | 10/07/2010 |         |
| 3   | 1100003 | 11A3 | Dương Hoàng An       | 13/03/2010 |         |
| 4   | 1100004 | 11A3 | Đỗ Bảo An            | 22/01/2010 |         |
| 5   | 1100005 | 11A3 | Đỗ Hoài An           | 23/09/2010 |         |
| 6   | 1100006 | 11A2 | Lê Ngọc Phúc An      | 02/10/2010 |         |
| 7   | 1100007 | 11A3 | Nguyễn Đăng Khánh An | 08/03/2010 |         |
| 8   | 1100008 | 11A3 | Nguyễn Khánh An      | 01/09/2010 |         |
| 9   | 1100009 | 11A3 | Nguyễn Thành An      | 20/11/2010 |         |
| 10  | 1100010 | 11A2 | Phạm Hải An          | 02/07/2010 |         |
| 11  | 1100011 | 11A1 | Phạm Nam An          | 12/05/2010 |         |
| 12  | 1100012 | 11A2 | Phạm Phú An          | 14/10/2010 |         |
| 13  | 1100013 | 11A1 | Trần Đặng Khánh An   | 03/05/2010 |         |
| 14  | 1100014 | 11A3 | Trịnh Khánh An       | 24/12/2010 |         |
| 15  | 1100015 | 11A1 | Bùi Bảo Anh          | 14/07/2010 |         |
| 16  | 1100016 | 11A1 | Đinh Ngọc Bảo Anh    | 24/02/2010 |         |
| 17  | 1100017 | 11A1 | Hoàng Hà Anh         | 17/01/2010 |         |
| 18  | 1100018 | 11A4 | Hoàng Minh Anh       | 26/11/2010 |         |
| 19  | 1100019 | 11A3 | Kiều Tuệ Anh         | 25/09/2010 |         |
| 20  | 1100020 | 11A6 | Lê Phan Vương Anh    | 03/02/2010 |         |
| 21  | 1100021 | 11A2 | Lê Việt Anh          | 20/03/2010 |         |
| 22  | 1100022 | 11A5 | Ngô Hùng Anh         | 16/01/2010 |         |
| 23  | 1100023 | 11A4 | Nguyễn Châu Anh      | 07/09/2010 |         |
| 24  | 1100024 | 11A6 | Nguyễn Đức Anh       | 25/07/2010 |         |
| 25  |         |      |                      |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ I  
MÔN HÓA HỌC, KHỐI 11

Phòng số:35

Tại phòng:215

| STT | SBD     | Lớp  | Họ và tên HS          | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|---------|------|-----------------------|------------|---------|
| 1   | 1100025 | 11A4 | Nguyễn Hà Anh         | 06/11/2010 |         |
| 2   | 1100026 | 11A3 | Nguyễn Huy Anh        | 02/05/2010 |         |
| 3   | 1100027 | 11A1 | Nguyễn Ngọc Châu Anh  | 04/01/2010 |         |
| 4   | 1100028 | 11A4 | Nguyễn Phúc Hoàng Anh | 14/02/2010 |         |
| 5   | 1100029 | 11A1 | Nguyễn Tuấn Anh       | 02/01/2010 |         |
| 6   | 1100030 | 11A2 | Nguyễn Tuấn Anh       | 19/04/2010 |         |
| 7   | 1100031 | 11A2 | Phạm Châu Anh         | 26/08/2010 |         |
| 8   | 1100032 | 11A5 | Phan Ngọc Hà Anh      | 13/05/2010 |         |
| 9   | 1100033 | 11A5 | Trần Đức Anh          | 02/12/2010 |         |
| 10  | 1100034 | 11A5 | Trần Khải Anh         | 13/03/2010 |         |
| 11  | 1100035 | 11A2 | Trần Minh Anh         | 22/05/2010 |         |
| 12  | 1100036 | 11A1 | Trương Hải Anh        | 15/07/2010 |         |
| 13  | 1100037 | 11A2 | Đặng Quang Bách       | 27/02/2010 |         |
| 14  | 1100038 | 11A5 | Đỗ Hoàng Bách         | 15/12/2010 |         |
| 15  | 1100039 | 11A1 | Nguyễn Hoàng Bách     | 15/06/2010 |         |
| 16  | 1100040 | 11A2 | Nguyễn Hữu Bách       | 30/10/2010 |         |
| 17  | 1100041 | 11A6 | Đỗ Gia Bảo            | 04/03/2010 |         |
| 18  | 1100042 | 11A3 | Lê Nguyên Bảo         | 15/12/2010 |         |
| 19  | 1100043 | 11A3 | Phạm Gia Bảo          | 14/03/2010 |         |
| 20  | 1100044 | 11A2 | Trần Ngọc Bảo         | 04/06/2010 |         |
| 21  | 1100045 | 11A5 | Trần Quốc Bảo         | 03/06/2010 |         |
| 22  | 1100046 | 11A2 | Đỗ Hà Khánh Băng      | 18/11/2010 |         |
| 23  | 1100047 | 11A1 | Nguyễn Hải Băng       | 04/10/2010 |         |
| 24  | 1100048 | 11A2 | Lê Hà Ngọc Bích       | 13/09/2010 |         |
| 25  |         |      |                       |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ I  
MÔN HÓA HỌC, KHỐI 11

Phòng số:36

Tại phòng:217

| STT | SBD     | Lớp  | Họ và tên HS           | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|---------|------|------------------------|------------|---------|
| 1   | 1100049 | 11A1 | Ngô Hữu Minh Châu      | 23/02/2010 |         |
| 2   | 1100050 | 11A2 | Nguyễn Bảo Châu        | 08/10/2010 |         |
| 3   | 1100051 | 11A2 | Đỗ Linh Chi            | 30/10/2010 |         |
| 4   | 1100052 | 11A1 | Nguyễn Hà Chi          | 10/10/2010 |         |
| 5   | 1100053 | 11A2 | Nguyễn Ngọc Quỳnh Chi  | 16/01/2010 |         |
| 6   | 1100054 | 11A6 | Nguyễn Thùy Chi        | 06/01/2010 |         |
| 7   | 1100055 | 11A3 | Trần Lan Chi           | 15/01/2010 |         |
| 8   | 1100056 | 11A1 | Chu Đình Cường         | 14/04/2010 |         |
| 9   | 1100057 | 11A4 | Hoàng Danh             | 30/05/2010 |         |
| 10  | 1100058 | 11A3 | Vũ Ngọc Diệp           | 10/12/2010 |         |
| 11  | 1100059 | 11A2 | Lại Tuấn Dũng          | 01/03/2010 |         |
| 12  | 1100060 | 11A6 | Lê Tiến Dũng           | 08/01/2010 |         |
| 13  | 1100061 | 11A2 | Nguyễn Mạnh Dũng       | 30/09/2010 |         |
| 14  | 1100062 | 11A3 | Nguyễn Tuấn Dũng       | 03/06/2010 |         |
| 15  | 1100063 | 11A3 | Trần Trí Dũng          | 12/04/2010 |         |
| 16  | 1100064 | 11A4 | Vũ Đình Tuấn Dũng      | 27/11/2010 |         |
| 17  | 1100065 | 11A3 | Cao Hà Duy             | 01/04/2010 |         |
| 18  | 1100066 | 11A3 | Nguyễn Đăng Thái Dương | 09/04/2010 |         |
| 19  | 1100067 | 11A1 | Nguyễn Hữu Hoàng Dương | 25/07/2010 |         |
| 20  | 1100068 | 11A6 | Nguyễn Thùy Dương      | 16/12/2010 |         |
| 21  | 1100069 | 11A4 | Đào Quang Đạt          | 10/03/2010 |         |
| 22  | 1100070 | 11A6 | Lưu Đức Đạt            | 05/08/2010 |         |
| 23  | 1100071 | 11A1 | Nguyễn Tiến Đạt        | 08/02/2010 |         |
| 24  | 1100072 | 11A2 | Nguyễn Minh Đăng       | 24/02/2010 |         |
| 25  |         |      |                        |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ I  
MÔN HÓA HỌC, KHỐI 11

Phòng số: 37

Tại phòng: 218

| STT | SBD     | Lớp  | Họ và tên HS       | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|---------|------|--------------------|------------|---------|
| 1   | 1100073 | 11A6 | Nguyễn Minh Đăng   | 05/04/2010 |         |
| 2   | 1100074 | 11A5 | Hoàng Minh Đức     | 01/01/2010 |         |
| 3   | 1100075 | 11A5 | Phạm Minh Đức      | 28/04/2010 |         |
| 4   | 1100076 | 11A5 | Hoàng Thu Giang    | 05/04/2010 |         |
| 5   | 1100077 | 11A1 | Lê Hương Giang     | 12/11/2010 |         |
| 6   | 1100078 | 11A3 | Nguyễn Hương Giang | 17/03/2010 |         |
| 7   | 1100079 | 11A3 | Nguyễn Minh Giang  | 15/02/2010 |         |
| 8   | 1100080 | 11A3 | Bùi Doãn Nguyệt Hà | 21/09/2010 |         |
| 9   | 1100081 | 11A1 | Đoàn Bình Hà       | 14/09/2010 |         |
| 10  | 1100082 | 11A6 | Hồ Ngân Hà         | 08/11/2010 |         |
| 11  | 1100083 | 11A4 | Lê Minh Hà         | 30/05/2010 |         |
| 12  | 1100084 | 11A5 | Lưu Phương Hà      | 24/02/2010 |         |
| 13  | 1100085 | 11A5 | Nguyễn Hồng Hà     | 28/11/2010 |         |
| 14  | 1100086 | 11A6 | Trần Ngọc Lan Hà   | 04/05/2010 |         |
| 15  | 1100087 | 11A4 | Vũ Ngân Hà         | 14/11/2010 |         |
| 16  | 1100088 | 11A2 | Dương Phúc Hải     | 24/09/2010 |         |
| 17  | 1100089 | 11A1 | Nguyễn Việt Hải    | 04/11/2010 |         |
| 18  | 1100090 | 11A4 | Phạm Minh Hải      | 02/04/2010 |         |
| 19  | 1100091 | 11A6 | Vũ Minh Hải        | 05/03/2010 |         |
| 20  | 1100092 | 11A6 | Lưu Vinh Hiển      | 05/08/2010 |         |
| 21  | 1100093 | 11A4 | Nguyễn Đức Hiệp    | 21/03/2010 |         |
| 22  | 1100094 | 11A4 | Nguyễn Minh Hiếu   | 24/10/2010 |         |
| 23  | 1100095 | 11A6 | Phạm Trung Hiếu    | 02/10/2010 |         |
| 24  | 1100096 | 11A1 | Lê Thuý Hoà        | 26/09/2010 |         |
| 25  |         |      |                    |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ I  
MÔN HÓA HỌC, KHỐI 11

Phòng số:38

Tại phòng:301

| STT | SBD     | Lớp  | Họ và tên HS           | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|---------|------|------------------------|------------|---------|
| 1   | 1100097 | 11A3 | Đinh Lâm Hoàng         | 17/02/2010 |         |
| 2   | 1100098 | 11A5 | Lê Minh Hoàng          | 08/07/2010 |         |
| 3   | 1100099 | 11A6 | Nguyễn Trọng Hoàng     | 16/05/2010 |         |
| 4   | 1100100 | 11A1 | Phạm Đức Hoàng         | 05/05/2010 |         |
| 5   | 1100101 | 11A4 | Tưởng Duy Hoàng        | 26/02/2010 |         |
| 6   | 1100102 | 11A5 | Đỗ Phúc Huy            | 24/06/2010 |         |
| 7   | 1100103 | 11A1 | Trần Gia Huy           | 11/06/2010 |         |
| 8   | 1100104 | 11A2 | Đỗ Gia Hưng            | 23/01/2010 |         |
| 9   | 1100105 | 11A5 | Nguyễn Tuấn Hưng       | 29/06/2010 |         |
| 10  | 1100106 | 11A2 | Vương Minh Hương       | 11/08/2010 |         |
| 11  | 1100107 | 11A1 | Nguyễn Công Khải       | 07/11/2010 |         |
| 12  | 1100108 | 11A6 | Nguyễn Đức Khang       | 29/12/2010 |         |
| 13  | 1100109 | 11A5 | Bùi An Khánh           | 25/06/2010 |         |
| 14  | 1100110 | 11A3 | Bùi Nam Khánh          | 24/10/2010 |         |
| 15  | 1100111 | 11A4 | Chu An Khánh           | 21/03/2010 |         |
| 16  | 1100112 | 11A4 | Đặng Bảo Khánh         | 07/12/2010 |         |
| 17  | 1100113 | 11A6 | Đặng Gia Khánh         | 10/04/2010 |         |
| 18  | 1100114 | 11A6 | Đỗ Vân Khánh           | 16/01/2010 |         |
| 19  | 1100115 | 11A5 | Nguyễn Ngọc Quốc Khánh | 21/06/2010 |         |
| 20  | 1100116 | 11A3 | Trịnh Hoàng Nam Khánh  | 14/05/2010 |         |
| 21  | 1100117 | 11A6 | Lê Đức Khiêm           | 29/09/2010 |         |
| 22  | 1100118 | 11A3 | Nguyễn Duy Khoa        | 05/07/2010 |         |
| 23  | 1100119 | 11A2 | Đoàn Anh Khôi          | 25/04/2010 |         |
| 24  | 1100120 | 11A1 | Lê Huy Khôi            | 27/02/2010 |         |
| 25  |         |      |                        |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ I  
MÔN HÓA HỌC, KHỐI 11

Phòng số:39

Tại phòng:302

| STT | SBD     | Lớp  | Họ và tên HS        | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|---------|------|---------------------|------------|---------|
| 1   | 1100121 | 11A6 | Lê Nguyên Khôi      | 04/03/2010 |         |
| 2   | 1100122 | 11A4 | Nguyễn Việt Khôi    | 06/04/2010 |         |
| 3   | 1100123 | 11A2 | Phạm Minh Khuê      | 11/02/2010 |         |
| 4   | 1100124 | 11A5 | Nguyễn Trung Kiên   | 15/08/2010 |         |
| 5   | 1100125 | 11A3 | Trương Hữu Kiên     | 22/02/2010 |         |
| 6   | 1100126 | 11A3 | Hoàng Tuấn Kiệt     | 13/09/2010 |         |
| 7   | 1100127 | 11A4 | Nguyễn Văn Gia Kiệt | 01/02/2010 |         |
| 8   | 1100128 | 11A4 | Hà Tùng Lâm         | 26/12/2010 |         |
| 9   | 1100129 | 11A5 | Hoàng Phương Lâm    | 25/09/2010 |         |
| 10  | 1100130 | 11A3 | Lê Nguyên Lâm       | 26/01/2010 |         |
| 11  | 1100131 | 11A4 | Lê Phú Lâm          | 16/04/2010 |         |
| 12  | 1100132 | 11A5 | Lục Thanh Lâm       | 15/01/2010 |         |
| 13  | 1100133 | 11A3 | Nguyễn Hoàng Lâm    | 30/06/2010 |         |
| 14  | 1100134 | 11A6 | Nguyễn Thanh Lâm    | 04/02/2010 |         |
| 15  | 1100135 | 11A5 | Nguyễn Trần Lâm     | 21/03/2010 |         |
| 16  | 1100136 | 11A5 | Nguyễn Xuân Lâm     | 30/06/2010 |         |
| 17  | 1100137 | 11A6 | Vũ Ngọc Tùng Lâm    | 06/06/2010 |         |
| 18  | 1100138 | 11A4 | Bùi Phương Linh     | 23/09/2010 |         |
| 19  | 1100139 | 11A6 | Dương Bảo Linh      | 30/10/2010 |         |
| 20  | 1100140 | 11A5 | Đồng Khánh Linh     | 08/10/2010 |         |
| 21  | 1100141 | 11A4 | Lê Nguyễn Châu Linh | 10/06/2010 |         |
| 22  | 1100142 | 11A2 | Lưu Khánh Linh      | 26/09/2010 |         |
| 23  | 1100143 | 11A1 | Mai Khánh Linh      | 22/02/2010 |         |
| 24  | 1100144 | 11A4 | Nguyễn Bảo Linh     | 05/02/2010 |         |
| 25  |         |      |                     |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ I  
MÔN HÓA HỌC, KHỐI 11

Phòng số:40

Tại phòng:303

| STT | SBD     | Lớp  | Họ và tên HS         | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|---------|------|----------------------|------------|---------|
| 1   | 1100145 | 11A4 | Nguyễn Bảo Linh      | 30/09/2010 |         |
| 2   | 1100146 | 11A5 | Nguyễn Băng Gia Linh | 07/08/2010 |         |
| 3   | 1100147 | 11A1 | Nguyễn Khánh Linh    | 19/07/2010 |         |
| 4   | 1100148 | 11A2 | Nguyễn Khánh Linh    | 02/02/2010 |         |
| 5   | 1100149 | 11A4 | Nguyễn Trúc Linh     | 21/06/2010 |         |
| 6   | 1100150 | 11A2 | Nguyễn Tuệ Linh      | 20/07/2010 |         |
| 7   | 1100151 | 11A3 | Phạm Thảo Linh       | 29/07/2010 |         |
| 8   | 1100152 | 11A6 | Quách Nhã Linh       | 22/02/2010 |         |
| 9   | 1100153 | 11A2 | Tổng Hoàng Bảo Linh  | 29/11/2010 |         |
| 10  | 1100154 | 11A4 | Vũ Khánh Linh        | 25/03/2010 |         |
| 11  | 1100155 | 11A4 | Nguyễn Anh Mạnh      | 22/08/2010 |         |
| 12  | 1100156 | 11A3 | Bùi Bình Minh        | 13/06/2010 |         |
| 13  | 1100157 | 11A1 | Bùi Đức Minh         | 15/12/2010 |         |
| 14  | 1100158 | 11A4 | Chu Đức Minh         | 12/07/2010 |         |
| 15  | 1100159 | 11A2 | Đặng Hoàng Nhật Minh | 01/10/2010 |         |
| 16  | 1100160 | 11A2 | Lê Đức Minh          | 10/10/2010 |         |
| 17  | 1100161 | 11A5 | Lê Hồng Minh         | 25/10/2010 |         |
| 18  | 1100162 | 11A4 | Lê Quang Minh        | 01/03/2010 |         |
| 19  | 1100163 | 11A1 | Ngô Gia Minh         | 17/11/2010 |         |
| 20  | 1100164 | 11A3 | Nguyễn Bảo Minh      | 11/03/2010 |         |
| 21  | 1100165 | 11A5 | Nguyễn Đức Minh      | 18/08/2010 |         |
| 22  | 1100166 | 11A1 | Nguyễn Lê Minh       | 22/06/2010 |         |
| 23  | 1100167 | 11A6 | Nguyễn Nhật Minh     | 24/02/2010 |         |
| 24  | 1100168 | 11A6 | Nguyễn Nhật Minh     | 29/11/2010 |         |
| 25  |         |      |                      |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ I  
MÔN HÓA HỌC, KHỐI 11

Phòng số:41

Tại phòng:304

| STT | SBD     | Lớp  | Họ và tên HS          | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|---------|------|-----------------------|------------|---------|
| 1   | 1100169 | 11A4 | Nguyễn Phạm Tuấn Minh | 18/02/2010 |         |
| 2   | 1100170 | 11A5 | Nguyễn Quang Minh     | 02/10/2010 |         |
| 3   | 1100171 | 11A3 | Nguyễn Quốc Minh      | 27/06/2010 |         |
| 4   | 1100172 | 11A5 | Nguyễn Thiện Minh     | 14/11/2010 |         |
| 5   | 1100173 | 11A6 | Nguyễn Trọng Minh     | 03/02/2010 |         |
| 6   | 1100174 | 11A3 | Nguyễn Tuệ Minh       | 22/07/2010 |         |
| 7   | 1100175 | 11A1 | Nguyễn Văn Đức Minh   | 11/12/2010 |         |
| 8   | 1100176 | 11A2 | Phạm Tuấn Minh        | 26/05/2010 |         |
| 9   | 1100177 | 11A6 | Trần Hoàng Minh       | 26/03/2010 |         |
| 10  | 1100178 | 11A3 | Trần Phúc Minh        | 07/10/2010 |         |
| 11  | 1100179 | 11A1 | Vũ Trần Nhật Minh     | 27/02/2010 |         |
| 12  | 1100180 | 11A1 | Tạ Hà My              | 21/10/2010 |         |
| 13  | 1100181 | 11A4 | Bùi Tuấn Nam          | 11/12/2010 |         |
| 14  | 1100182 | 11A4 | Ngô Bảo Nam           | 03/02/2010 |         |
| 15  | 1100183 | 11A3 | Nguyễn Bá Nam         | 29/04/2010 |         |
| 16  | 1100184 | 11A5 | Nguyễn Thế Nam        | 24/04/2010 |         |
| 17  | 1100185 | 11A2 | Nguyễn Tuấn Nam       | 22/10/2010 |         |
| 18  | 1100186 | 11A2 | Lê Phương Nga         | 07/07/2010 |         |
| 19  | 1100187 | 11A4 | Nguyễn Thu Ngân       | 07/01/2010 |         |
| 20  | 1100188 | 11A4 | Trần Kim Ngân         | 05/10/2010 |         |
| 21  | 1100189 | 11A5 | Trần Vĩnh Nghĩa       | 03/02/2010 |         |
| 22  | 1100190 | 11A5 | Lê Kim Nguyên         | 11/01/2010 |         |
| 23  | 1100191 | 11A2 | Trần Khánh Nguyên     | 13/11/2010 |         |
| 24  | 1100192 | 11A3 | Trần Khôi Nguyên      | 28/06/2010 |         |
| 25  |         |      |                       |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ I  
MÔN HÓA HỌC, KHỐI 11

Phòng số:42

Tại phòng:306

| STT | SBD     | Lớp  | Họ và tên HS            | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|---------|------|-------------------------|------------|---------|
| 1   | 1100193 | 11A5 | Vũ Hạnh Nguyên          | 27/07/2010 |         |
| 2   | 1100194 | 11A5 | Trần Nguyên Nhã         | 22/07/2010 |         |
| 3   | 1100195 | 11A2 | Hà Tuệ Nhi              | 18/04/2010 |         |
| 4   | 1100196 | 11A6 | Nguyễn Lâm Nhi          | 03/03/2010 |         |
| 5   | 1100197 | 11A5 | Trần Khánh Như          | 28/09/2010 |         |
| 6   | 1100198 | 11A6 | Lưu Đức Phát            | 05/08/2010 |         |
| 7   | 1100199 | 11A3 | Nguyễn Hoàng Phát       | 07/06/2010 |         |
| 8   | 1100200 | 11A4 | Vũ Hải Phong            | 23/12/2010 |         |
| 9   | 1100201 | 11A3 | Nguyễn Lê An Phú        | 09/01/2010 |         |
| 10  | 1100202 | 11A6 | Vũ Nguyễn An Phú        | 02/02/2010 |         |
| 11  | 1100203 | 11A1 | Đinh Hoàng Phúc         | 11/09/2010 |         |
| 12  | 1100204 | 11A5 | Lương Hồng Phúc         | 25/11/2010 |         |
| 13  | 1100205 | 11A4 | Bùi Minh Phương         | 31/03/2010 |         |
| 14  | 1100206 | 11A1 | Nguyễn Đặng Hà Phương   | 27/02/2010 |         |
| 15  | 1100207 | 11A5 | Nguyễn Hà Phương        | 15/07/2010 |         |
| 16  | 1100208 | 11A6 | Nguyễn Quốc Việt Phương | 10/04/2010 |         |
| 17  | 1100209 | 11A2 | Nguyễn Quỳnh Lam Phương | 24/04/2010 |         |
| 18  | 1100210 | 11A1 | Phạm Mai Phương         | 26/09/2010 |         |
| 19  | 1100211 | 11A2 | Phùng Mai Phương        | 19/09/2010 |         |
| 20  | 1100212 | 11A2 | Vũ Thị Thanh Phương     | 23/03/2010 |         |
| 21  | 1100213 | 11A5 | Chu Thế Quang           | 06/01/2010 |         |
| 22  | 1100214 | 11A2 | Nguyễn Minh Quang       | 15/04/2010 |         |
| 23  | 1100215 | 11A6 | Nguyễn Minh Quang       | 04/08/2010 |         |
| 24  | 1100216 | 11A5 | Phạm Minh Quang         | 08/10/2010 |         |
| 25  |         |      |                         |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ I  
MÔN HÓA HỌC, KHỐI 11

Phòng số:43

Tại phòng:308

| STT | SBD     | Lớp  | Họ và tên HS         | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|---------|------|----------------------|------------|---------|
| 1   | 1100217 | 11A4 | Vũ Minh Quang        | 21/08/2010 |         |
| 2   | 1100218 | 11A4 | Hoàng Mạnh Quân      | 23/11/2010 |         |
| 3   | 1100219 | 11A3 | Lê Hồng Quân         | 25/08/2010 |         |
| 4   | 1100220 | 11A1 | Nguyễn Anh Quân      | 28/12/2010 |         |
| 5   | 1100221 | 11A6 | Phạm Đình Minh Quân  | 20/09/2010 |         |
| 6   | 1100222 | 11A3 | Trần Hoàng Quân      | 23/05/2010 |         |
| 7   | 1100223 | 11A6 | Đào Thục Quyên       | 25/08/2010 |         |
| 8   | 1100224 | 11A1 | Nguyễn Bảo Quyên     | 10/04/2010 |         |
| 9   | 1100225 | 11A2 | Nguyễn Đức Quyền     | 29/12/2010 |         |
| 10  | 1100226 | 11A6 | Đái Hương Quỳnh      | 11/02/2010 |         |
| 11  | 1100227 | 11A5 | Nguyễn Đặng Tùng Sơn | 20/09/2010 |         |
| 12  | 1100228 | 11A1 | Nguyễn Hữu Sơn       | 17/11/2010 |         |
| 13  | 1100229 | 11A5 | Nguyễn Hữu Thanh Sơn | 21/12/2010 |         |
| 14  | 1100230 | 11A6 | Lê Khải Tâm          | 04/10/2010 |         |
| 15  | 1100231 | 11A1 | Phạm Minh Tân        | 07/01/2010 |         |
| 16  | 1100232 | 11A1 | Ninh Quang Tấn       | 09/07/2010 |         |
| 17  | 1100233 | 11A1 | Nguyễn Thúy Thanh    | 21/08/2010 |         |
| 18  | 1100234 | 11A4 | Phạm Thanh Thanh     | 29/11/2010 |         |
| 19  | 1100235 | 11A1 | Nguyễn Minh Thành    | 23/11/2010 |         |
| 20  | 1100236 | 11A3 | Trịnh Việt Thành     | 29/08/2010 |         |
| 21  | 1100237 | 11A6 | Duy An Phương Thảo   | 23/04/2010 |         |
| 22  | 1100238 | 11A4 | Mai Phương Thảo      | 09/02/2010 |         |
| 23  | 1100239 | 11A6 | Cao Minh Thắng       | 20/05/2010 |         |
| 24  | 1100240 | 11A4 | Vũ Xuân Thắng        | 02/05/2010 |         |
| 25  | 1100241 | 11A1 | Nguyễn Thị Thu Thủy  | 14/04/2010 |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA HỌC KÌ I  
MÔN HÓA HỌC, KHỐI 11

Phòng số:44

Tại phòng:309

| STT | SBD     | Lớp  | Họ và tên HS          | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|---------|------|-----------------------|------------|---------|
| 1   | 1100242 | 11A4 | Dương Minh Thư        | 26/09/2010 |         |
| 2   | 1100243 | 11A6 | Vương Bảo Thy         | 04/03/2010 |         |
| 3   | 1100244 | 11A2 | Bùi Thủy Tiên         | 20/02/2010 |         |
| 4   | 1100245 | 11A3 | Nguyễn Thế Tiến       | 11/10/2010 |         |
| 5   | 1100246 | 11A2 | Lê Thùy Trang         | 26/02/2010 |         |
| 6   | 1100247 | 11A5 | Nguyễn Hà Trang       | 17/12/2010 |         |
| 7   | 1100248 | 11A6 | Nguyễn Hà Trang       | 21/11/2010 |         |
| 8   | 1100249 | 11A6 | Trần Hoàng Minh Trang | 26/03/2010 |         |
| 9   | 1100250 | 11A2 | Đông Hải Triều        | 11/05/2010 |         |
| 10  | 1100251 | 11A4 | Nguyễn Lê Hiếu Trung  | 09/12/2010 |         |
| 11  | 1100252 | 11A1 | Trịnh Thanh Tú        | 30/11/2009 |         |
| 12  | 1100253 | 11A4 | Bùi Quốc Tuấn         | 29/03/2010 |         |
| 13  | 1100254 | 11A5 | Nguyễn Bảo Tuấn       | 03/07/2010 |         |
| 14  | 1100255 | 11A1 | Nguyễn Bách Tùng      | 17/11/2010 |         |
| 15  | 1100256 | 11A6 | Trịnh Hoàng Tùng      | 21/05/2010 |         |
| 16  | 1100257 | 11A5 | Chu Ngọc Bảo Uyên     | 02/10/2010 |         |
| 17  | 1100258 | 11A6 | Vũ Thu Uyên           | 09/09/2010 |         |
| 18  | 1100259 | 11A1 | Trần Ngọc Mỹ Vân      | 05/01/2010 |         |
| 19  | 1100260 | 11A5 | Phùng Thế Vinh        | 11/03/2010 |         |
| 20  | 1100261 | 11A4 | Đỗ Ngân Vũ            | 13/12/2010 |         |
| 21  | 1100262 | 11A2 | Đỗ Hà Vy              | 10/07/2010 |         |
| 22  | 1100263 | 11A3 | Đỗ Hà Vy              | 25/09/2010 |         |
| 23  | 1100264 | 11A5 | Đỗ Lâm Vy             | 30/01/2010 |         |
| 24  | 1100265 | 11A6 | Đỗ Tường Vy           | 01/09/2010 |         |
| 25  | 1100266 | 11A4 | Lê Thảo Vy            | 07/05/2010 |         |